TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 131/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Hưng

2. Bà Lê Thị Thanh Hương

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 235, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 37; Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 26, điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ B, khu H, phường C, thành phố Q.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983; nơi thường trú: thôn P, xã P, thành phố B; nơi tạm trú: tổ B, khu H, phường C, thành phố Q.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 31/3/2011 và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 29/01/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tuấn C 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10/2026 cho đến khi con chung Nguyễn Tuấn C đủ 18 tuổi, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tuấn Đ.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; nếu anh M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M. Hoặc nhận thấy chị T không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu toàn bộ 01 ngôi nhà cấp 4 và tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên diện tích đất 149,7m² tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 35; địa chỉ: tổ B, khu H, phường C, tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 943388, số vào sổ cấp GCN: CH01147 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T, tổng giá trị tài sản là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Có sơ đồ kèm theo.

Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Văn M số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp cả 300.000đ (ba trăm nghin đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đối với phần tài sản được chia, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000đ (một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001565 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố H). Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng sơ thẩm và 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS thành phố Quảng Ninh;
- TAND, VKSND thành phố Quảng Ninh;
- UBND xã Phật Tích, thành phố Bắc Ninh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Phạm Thị Cúc